

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Điều chỉnh theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTB-ĐTĐH, ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)*

**Trình độ đào tạo:** Đại học  
**Ngành đào tạo:** Giáo dục Tiểu học  
**Mã ngành:** 7140202  
**Loại hình đào tạo:** Chính quy  
**Số tín chỉ:** 135

**1. Mục tiêu đào tạo**

**1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo giáo viên tiểu học trình độ đại học, có đủ năng lực dạy tiểu học, có khả năng làm chuyên viên về lĩnh vực giáo dục tiểu học của các phòng, sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, tổ chức nghiên cứu và tư vấn phát triển giáo dục và một số lĩnh vực khác, có khả năng tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, có khả năng liên thông ở các chương trình đào tạo sau đại học.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

**1.2.1. Về kiến thức**

- Đào tạo sinh viên về kiến thức giáo dục đại cương; kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (gồm: kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành) theo yêu cầu về trình độ kiến thức chuẩn của người giáo viên tiểu học;

- Đào tạo sinh viên về phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh ở bậc tiểu học; trang bị cho sinh viên những thông tin cập nhật về đổi mới giáo dục tiểu học nhằm vận dụng các phương pháp này vào thực tiễn dạy học, giáo dục học sinh ở trường tiểu học sau này;

- Đào tạo sinh viên đạt trình độ tiếng Anh A2 theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về Ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và đạt trình độ công nghệ thông tin theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT về chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

**1.2.2. Về kỹ năng**

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch giáo dục, giảng dạy, đánh giá trong dạy học tiểu học; kỹ năng lập hồ sơ chuyên môn của người giáo viên tiểu học;

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng đúng, linh hoạt, sáng tạo phương pháp dạy học vào tổ chức các hoạt động học tập, giáo dục học sinh tiểu học (gồm cả dạy học cho đối tượng đặc biệt như: dạy cho học sinh dân tộc thiểu số, dạy cho học sinh có khả năng đặc biệt, học sinh khuyết tật, tàn tật theo hướng hoà nhập);

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng sáng tạo và đánh giá được việc vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học của đồng nghiệp;

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổ chức và thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động Sao nhi đồng, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; kỹ năng quản lý lớp học, giáo dục học sinh cá biệt;

- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm với học sinh, gia đình học sinh, với đồng nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong cộng đồng.

**1.2.3. Về phẩm chất đạo đức**

- Hình thành cho sinh viên tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học; ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức của người công dân và người giáo viên, xây dựng một lối sống trung thực, lành mạnh, giản dị, đoàn kết;

- Hình thành cho sinh viên lòng yêu nghề dạy học, tình thương yêu, tôn trọng, thái độ đối xử công bằng với học sinh, ý thức giáo dục, chăm sóc học sinh, tinh thần phấn đấu trở thành nhà giáo mẫu mực.

#### **1.2.4. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Hình thành cho sinh viên năng lực độc lập, tự chủ trong tổ chức các hoạt động trau dồi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; năng lực phát hiện, giải quyết công việc một cách chủ động, linh hoạt, khoa học, hiệu quả, sáng tạo, phù hợp với yêu cầu về năng lực của một giáo viên tiểu học;

- Hình thành cho sinh viên ý thức trách nhiệm tuân thủ nguyên tắc làm việc của đơn vị, phối hợp với đồng nghiệp, phối hợp với phụ huynh học sinh để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Về kiến thức**

- Có trình độ kiến thức đáp ứng được yêu cầu về chuẩn kiến thức của người giáo viên tiểu học: nắm vững mục tiêu dạy học, chương trình, nội dung sách giáo khoa ở bậc tiểu học, có kiến thức để dạy tốt tất cả các môn học, các khối lớp ở bậc tiểu học.

- Có phương pháp dạy học đáp ứng được yêu cầu về phương pháp dạy học ở bậc tiểu học: có phương pháp để giảng dạy chương trình tiểu học theo quan điểm tiếp cận với năng lực học sinh, có phương pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh ở bậc tiểu học theo yêu cầu đổi mới theo cách đánh giá học sinh tiểu học của ngành giáo dục; cập nhật thường xuyên kiến thức về đổi mới phương pháp giáo dục tiểu học nhằm vận dụng các phương pháp này vào thực tiễn dạy học, giáo dục học sinh ở trường tiểu học.

### **2.2. Về kỹ năng**

- Có kỹ năng lập kế hoạch giáo dục, giảng dạy, đánh giá trong dạy học tiểu học, kỹ năng lập hồ sơ chuyên môn của người giáo viên tiểu học;

- Có kỹ năng vận dụng đúng, linh hoạt, sáng tạo phương pháp dạy học vào tổ chức các hoạt động học tập, giáo dục học sinh tiểu học (gồm cả dạy học cho đối tượng đặc biệt như: dạy cho học sinh dân tộc thiểu số, dạy học sinh khuyết tật, tàn tật theo hướng hoà nhập);

- Có kỹ năng vận dụng sáng tạo và đánh giá được việc vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học của đồng nghiệp;

- Có kỹ năng tổ chức và thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động Sao nhi đồng, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; kỹ năng quản lý lớp học, giáo dục học sinh cá biệt;

- Có kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm, xử lý các tình huống sư phạm thân thiện, công bằng, hiệu quả, phù hợp với mục tiêu giáo dục học sinh tiểu học, có kỹ năng ứng xử với gia đình học sinh, với đồng nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong cộng đồng.

### **2.3. Về phẩm chất đạo đức**

- Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học, có ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức của người công dân và người giáo viên, xây dựng một lối sống trung thực, lành mạnh, giản dị, đoàn kết;

- Có lòng yêu nghề dạy học, tình thương yêu, tôn trọng, thái độ đối xử công bằng với học sinh, có ý thức giáo dục, chăm sóc học sinh, gương mẫu trong quá trình giảng dạy, giáo dục học sinh, có tinh thần phấn đấu trở thành nhà giáo mẫu mực.

### **2.4. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Có năng lực độc lập, tự chủ trong tổ chức các hoạt động trau dồi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; năng lực phát hiện, giải quyết công việc một cách chủ động, linh hoạt, khoa học, hiệu quả, sáng tạo, phù hợp với yêu cầu về năng lực của một giáo viên tiểu học;

- Có ý thức trách nhiệm tuân thủ nguyên tắc làm việc của đơn vị, hợp tác với đồng nghiệp, phối hợp với phụ huynh học sinh để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học.

### **2.5. Về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

- Giáo viên tại các trường tiểu học,
- Chuyên viên về lĩnh vực giáo dục tiểu học tại các phòng, sở giáo dục và đào tạo; các cơ quan, tổ chức nghiên cứu và tư vấn phát triển giáo dục tiểu học và một số lĩnh vực khác.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 135 tín chỉ (*không tính phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*).

Kiến thức giáo dục đại cương: 27 tín chỉ

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 108 tín chỉ

Trong đó:

Kiến thức cơ sở ngành: 7 tín chỉ

Kiến thức ngành: 83 tín chỉ

Kiến thức nghiệp vụ sư phạm và thực tập chuyên môn: 11 tín chỉ

Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần tương đương: 7 tín chỉ

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Theo quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

- Quy trình đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành.

**6. Thang điểm:** Thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

**7. Nội dung chương trình**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại tiết tín chỉ				Môn TQ
				Lên lớp		TS tiết (x hệ số)	Tự học	
				LT	TH			
<b>7.1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>27</b>	(Không kể các học phần GDTC, GDQP)				
<b>Bắt buộc</b>			<b>25</b>					
1.	LNL0001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	65	10	85	150	
2.	LTU0002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25	5	35	60	LNL0001
3.	LDL0003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	40	5	50	90	LTU0001
4.	LPL0001	Pháp luật đại cương	2	25	5	35	60	
5.	NTA0001	Tiếng Anh 1	5	75		75	150	
6.	NTA0002	Tiếng Anh 2	5	75		75	150	NTA0001
7.	TTH0002	Tin học cơ sở	3	30	15	60	90	
	GDT0001	Giáo dục thể chất 1	1	5	10	25	30	
	GDT0001	Giáo dục thể chất 2	2		30	60	60	
	GDQ0001	Giáo dục quốc phòng						
<b>Tự chọn 1</b>			<b>2</b>	SV chọn học 1 trong các học phần sau				
8.	MCB0077	Tiếng Việt thực hành	2	25	5	35	60	
	MCB0093	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	25	5	35	60	
	SVH0001	Văn hóa địa phương	2	27	3	33	60	
	TTH0003	Tin học nâng cao	2	20	10	40	60	
<b>7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>108</b>					
<b>7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>7</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>5</b>					
9.	QLN 0001	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành GD&ĐT	2	28	2	32	60	

10.	MTG0018	Tâm lí học và Giáo dục học đại cương	3	45	0	45	90	
	<b>Tự chọn 2</b>		<b>2</b>	SV chọn học 1 trong các học phần sau				
11.	MTG0008	Giao tiếp sư phạm	2	15	15	45	60	MTG0015
	KHH0001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24	6	36	60	
<b>7.2.2. Kiến chuyên ngành</b>			<b>83</b>					
<b>7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành</b>			<b>45</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>43</b>					
12.	MCB0041	Tập hợp logic	2	25	5	35	60	
13.	MCB0013	Giáo dục môi trường	2	25	5	35	60	MTG0007
14.	MCB0009	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 1	3	45	0	45	90	
15.	MCB0010	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 2	3	42	3	48	90	
16.	<b>MCB0101</b>	<b>Văn học</b>	<b>4</b>	<b>55</b>	<b>5</b>	<b>65</b>	<b>120</b>	
17.	MTG0015	Tâm lí học tiểu học	3	30	15	60	90	MTG0018
18.	MTG0007	Giáo dục học tiểu học	2	20	10	40	60	MTG0015
19.	MCB0045	Tiếng Việt 1	4	50	10	70	120	
20.	MCB0046	Tiếng Việt 2	4	50	10	70	120	MCB0045
21.	MCB0047	Tiếng Việt 3	3	40	5	50	90	MCB0046
22.	MCB0039	Số học	3	40	5	50	90	MCB0041
23.	MCB0014	Hình học	3	42	3	48	90	MCB0041
24.	MCB0011	Đại số	2	27	3	33	60	MCB0039
25.	MMA0001	Âm nhạc	2	25	5	35	60	
26.	MMA0016	Mỹ thuật	3	30	15	60	90	
	<b>Tự chọn 3</b>		<b>2</b>	SV chọn học 1 trong các học phần sau				
27.	MCB0056	Xác suất thống kê	2	27	3	33	60	
	MCB0037	Sinh lí trẻ lứa tuổi tiểu học	2	25	5	35	60	
	MCB0036	Rèn kĩ năng tiếng Việt	2	25	5	35	60	MCB0046
<b>7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành</b>			<b>38</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>33</b>					
28.	MTG0002	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	2	20	10	40	60	MTG0007
29.	MTG0003	Giáo dục hoà nhập	2	20	10	40	60	MTG0007
30.	MCB0019	Lí luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt 1	4	50	10	70	120	MCB0046 MTG0007
31.	MCB0020	Lí luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt 2	3	37	8	53	90	MCB0019
32.	MCB0094	Lí luận và phương pháp dạy học Toán 1	4	50	10	70	120	MCB0011 MTG0007
33.	MCB0022	Lí luận và phương pháp dạy học Toán 2	3	40	5	50	90	MCB0094
34.	MCB0095	Lí luận và phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	3	40	5	55	90	MCB0009 MCB0010 MTG0007
35.	MMA0009	Lí luận và phương pháp dạy học Âm nhạc	3	30	15	60	120	MMA0035 MTG0007
36.	MCB0012	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức	2	20	10	40	60	MTG0007

37.	MMA0010	Lí luận và phương pháp dạy học Mĩ thuật	3	35	10	55	90	MMA0016 MTG0007
38.	MCB0093	Lí luận và phương pháp dạy học thể dục ở tiểu học	2	20	10	40	60	MTG0007
39.	MTG0031	Lí luận và phương pháp công tác Đội TNTP HCM	2	15	15	45	60	MTG0007
	<b>Tự chọn 4</b>		<b>5</b>	SV chọn các học phần sau để học tập với tổng số 5 tín chỉ				
40.	MCB0008	Chuyên đề Suy luận và chứng minh trong dạy học toán ở tiểu học	2	27	3	33	60	MCB0041
	MCB0043	Tiến trình văn học và thi pháp văn học dân gian	2	27	3	33	60	MCB0100
	MCB0042	Tập làm văn	2	25	5	35	60	MCB0100
	MCB0050	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Tiểu học	2	25	5	35	70	MTG0007
41.	MCB0003	Chuyên đề Giáo dục sức khỏe sinh sản	3	40	5	50	90	MTG0007
	MCB0001	Chuyên đề Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 4-5	3	40	5	50	90	MCB0022
	MCB0005	Chuyên đề Phương pháp dạy học tiếng Việt	3	37	8	53	90	MCB0020
	MMA0022	Tập đọc nhạc	3	30	15	60	90	MMA0035
	MMA0023	Thủ công - Kỹ thuật	3	25	20	65	90	MMA0008
<b>7.2.3. NVSP và thực tập nghề nghiệp</b>			<b>11</b>					
42.	MTG0036	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	2	4	26	56	60	MTG0007
43.	MTG0037	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	2	0	30	60	60	MTG0036
44.		Thực tập sư phạm 1	2	0	30	60	60	MTG0007
45.	NVS0004	Thực tập sư phạm 2	5	0	75	150	150	
<b>7.2.4. Khóa luận hoặc các học phần tương đương</b>			<b>7</b>					
46.		Khóa luận tốt nghiệp	7					
	<b>Tự chọn 5</b>		<b>7</b>	(SV không làm khóa luận chọn học các học phần với tổng số 7 tín chỉ trong các học phần sau)				
46 47 48	NTA0003	Tiếng Anh 3	5	75		75	150	NTA0002
	MMA0008	Kỹ thuật và phương pháp dạy học Kỹ thuật	3	30	15	60	90	MTG0007
	MCB0007	Chuyên đề Sáng tác đề toán ở tiểu học	2	27	3	33	60	MCB0094
	MCB0040	Sử dụng "Bản tay nặn bột" trong dạy học môn Khoa học ở tiểu học	2	25	5	35	60	MCB0095
	MCB0004	Chuyên đề Lịch sử trong giao tiếp tiếng Việt	2	27	3	33	60	

MMA0020	Nghệ thuật xé dán	3	20	25	70	90	MMA0016
MCB0035	Phương pháp dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số	3	37	8	53	90	MCB0020
MTG0033	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	2	20	10	40	60	MTG0007
<b>Tổng cộng</b>		<b>135</b>					

## 8. Dự kiến kế hoạch đào tạo

### 8.1. Dự kiến kế hoạch đào tạo (4 năm)

Học kỳ	Tên học phần	Số đvtc	Số tiết chuẩn
<b>I</b>	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	75
	Tiếng Anh 1	5	75
	Tâm lý học và giáo dục học đại cương	3	45
	Pháp luật đại cương	2	30
	Tập hợp lôgic	2	30
	Tin học cơ sở	3	45
	Giáo dục quốc phòng		
<b>SỐ ĐVTC</b>		<b>20</b>	<b>300</b>
<b>II</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30
	Tiếng Anh 2	5	75
	Mĩ thuật	3	45
	Tiếng Việt 1	4	60
	Tâm lý học tiểu học	3	45
	Số học	3	45
	Giáo dục thể chất 1	1	
<b>SỐ ĐVTC</b>		<b>20</b>	<b>300</b>
<b>III</b>	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45
	Đại số	2	30
	Tiếng Việt 2	4	60
	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 1	3	45
	Giáo dục học tiểu học	2	30
	Tự chọn 1	2	30
	Âm nhạc	2	30
	Giáo dục thể chất 2	2	
<b>SỐ ĐVTC</b>		<b>18</b>	<b>270</b>
<b>IV</b>	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	2	30
	Tự chọn 2	2	30
	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức	2	30
	Hình học	3	45
	Tiếng Việt 3	3	45

	Văn học	4	60
	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 2	3	45
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>19</b>	<b>285</b>
<b>V</b>	Lí luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt 1	4	60
	Lí luận và phương pháp dạy học Toán 1	4	60
	Giáo dục môi trường	2	30
	Lí luận và phương pháp dạy học Mĩ thuật	3	45
	Tự chọn 3	2	30
	Lí luận và phương pháp dạy học Thể dục	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>17</b>	<b>255</b>
<b>VI</b>	Lí luận và phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	3	45
	Lí luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt 2	3	45
	Lí luận và phương pháp dạy học Toán 2	3	45
	Tự chọn 4	5	75
	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	2	30
	Thực tập sư phạm 1	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>18</b>	<b>270</b>
<b>VII</b>	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành GD&ĐT	2	30
	Lí luận và phương pháp dạy học Âm nhạc	3	45
	Giáo dục hoà nhập	2	30
	Lí luận và phương pháp công tác Đội TNTP HCM	2	30
	Khoá luận (hoặc Tự chọn 5)	7	105
	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>18</b>	<b>270</b>
<b>VIII</b>	Thực tập sư phạm	5	75
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>5</b>	<b>75</b>

### 8.2. Dự kiến kế hoạch đào tạo (3 năm)

Học kỳ	Tên học phần	Số đvtc	Số tiết chuẩn
<b>I</b>	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	75
	Tiếng Anh 1	5	75
	Tâm lí học và giáo dục học đại cương	3	45
	Pháp luật đại cương	2	30
	Tập hợp logic	2	30
	Tin học cơ sở	3	45
	Giáo dục quốc phòng		
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>20</b>	<b>300</b>
<b>II</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30
	Tiếng Anh 2	5	75
	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 1	3	45

	Tiếng Việt 1	4	60
	Tâm lý học tiểu học	3	45
	Số học	3	45
	Giáo dục thể chất 1	1	
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>20</b>	<b>300</b>
<b>Kì phụ</b>	Giáo dục học tiểu học	2	30
	Âm nhạc	2	30
	Đại số	2	30
	Tự chọn 1	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>8</b>	<b>120</b>
<b>III</b>	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45
	Giáo dục môi trường	2	30
	Tiếng Việt 2	4	60
	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 2	3	45
	Văn học	4	60
	Hình học	3	45
	Tự chọn 2	2	30
	Giáo dục thể chất 2	2	
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>21</b>	<b>315</b>
<b>IV</b>	Tự chọn 3	2	30
	Tiếng Việt 3	3	45
	Lí luận và phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	3	45
	Lí luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt 1	4	60
	Lí luận và phương pháp dạy học Toán 1	4	60
	Lí luận và phương pháp dạy học Âm nhạc	3	45
	Thực tập sư phạm 1	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>21</b>	<b>315</b>
<b>Kì phụ</b>	Mĩ thuật	3	45
	Tự chọn 4	5	75
		<b>8</b>	<b>120</b>
<b>V</b>	Lí luận và phương pháp công tác Đội TNTP HCM	2	30
	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	2	30
	Lí luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt 2	3	45
	Lí luận và phương pháp dạy học Toán 2	3	45
	Lí luận và phương pháp dạy học Mỹ thuật	3	45
	Khoá luận (hoặc Tự chọn 5)	7	105
	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>22</b>	<b>330</b>



<b>VI</b>	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành GD&ĐT	2	30
	Giáo dục hoà nhập	2	30
	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức	2	30
	Lí luận và phương pháp dạy học Thể dục	2	30
	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	2	30
	Thực tập sư phạm	5	75
	<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>15</b>	<b>225</b>

### **9. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

Quá trình thực hiện chương trình căn cứ vào quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; đồng thời căn cứ vào những quy định hiện hành của Trường Đại học Tây Bắc và Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chương trình.

Đối với chương trình chi tiết của từng học phần, quá trình thực hiện có thể được đổi mới theo hướng đem lại hiệu quả cao trong đào tạo. Sự thay đổi này phải được thông qua Bộ môn, Khoa và được Ban Giám hiệu phê duyệt.

**9.1. Chương trình khung trình độ đại học, ngành Giáo dục Tiểu học thuộc khối ngành sư phạm** được thiết kế theo hướng thuận lợi cho việc phát triển các chương trình cấu trúc kiểu đơn ngành. Danh mục các học phần (môn học) và khối lượng kiến thức của chương trình được đưa vào mục 7 là những quy định bắt buộc, dựa trên cơ sở mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định tại các mục 7.1 và mục 7.2, với tổng khối lượng kiến thức là 135 ĐVTC (không kể các nội dung về giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

#### **9.2. Phần kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**

Kiến thức giáo dục đại cương được liệt kê ở mục 7.1. gồm 27 ĐVTC; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được liệt kê ở mục 7.2 là 108 ĐVTC. Đây là kiến thức cơ sở, có tính chất nền tảng chương trình đào tạo Cử nhân trình độ đại học Giáo dục Tiểu học. Do đó, việc dạy và học mỗi học phần này cần được thực hiện tốt nhất để đảm bảo tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học ở trường Đại học Tây Bắc được đào tạo theo chương trình khung này.

#### **9.3. Phần kiến thức tự chọn**

Được thiết kế theo hướng xây dựng các học phần có nội dung mở rộng, chuyên sâu hoặc nâng cao giúp sinh viên có thể lựa chọn theo năng khiếu hoặc sở trường để sau này ra trường phát huy được tại đơn vị công tác.

#### **9.4. Định hướng xây dựng chương trình đào tạo Cử nhân trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học**

Chương trình biên soạn theo hướng sinh viên tăng cường tự học và tự nghiên cứu. Mỗi học phần chuyên ngành, chuyên sâu hạn chế không quá 5 ĐVTC, chủ yếu là 2 và 3 ĐVTC.

Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đáp ứng nhu cầu thực tiễn của các trường tiểu học trong toàn quốc nói chung và vùng Tây Bắc nói riêng.

Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác nhận phù hợp với khuôn khổ mà Bộ GD-ĐT quy định cho một chương trình giáo dục đại học 4 năm. Chương trình đào tạo đảm bảo chuẩn kiến thức và kỹ năng của sinh viên sau khi tốt nghiệp và đáp ứng yêu cầu học tiếp lên trình độ thạc sĩ và tiến sĩ.

**TRƯỞNG KHOA**

(Đã ký)

**TS. Vũ Tiên Dũng**

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**TS. Đinh Thanh Tâm**